TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 01 - 2026
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Minh Hoan
Ông Quan Văn Ngụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang **tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 75/2025/TLST-HNGĐ, ngày 29/10/2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 29/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên.
2. Bị đơn: Anh Triệu Văn Ch, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn X, xã S, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn chị Triệu Thị T có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Triệu Văn Ch vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn Ch tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã C, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 06/6/2012. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã C, huyện Đ, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tính không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù đã

được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Triệu Văn Ch đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn Ch, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới, hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Triệu Văn Ch có 02 con chung là cháu Triệu Thục V, sinh ngày 01/10/2012 và cháu Triệu Mai L, sinh ngày 03/12/2014. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Triệu Mai L sống cùng bố là anh Triệu Văn Ch tại thôn X, xã P, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn X, xã S, tỉnh Tuyên Quang) còn cháu Triệu Thục V sống cùng chị tại thôn L, xã C, huyện Đ, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên). Do đó, khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Thục V đến tuổi trưởng thành và giao cháu Triệu Mai L cho anh Triệu Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Triệu Văn Ch phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Triệu Thục V.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Triệu Văn Ch chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung; vợ chồng chị cũng không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Triệu Văn Ch không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn Ch tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau ngày cưới, vợ chồng chị T, anh Ch về chung sống cùng gia đình nhà vợ tại thôn L, xã C, huyện Đ, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Đến khoảng năm 2019, anh Ch đem theo 01 con nhỏ về sống cùng nhà mẹ đẻ tại thôn X, xã P, huyện N, tỉnh Tuyên Quang nay là thôn X, xã S, tỉnh Tuyên Quang. Chính quyền địa phương nghe anh Ch nói lại là do trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng chị T, anh Ch nảy sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn nên cả hai quyết định sống ly thân, ai về nhà nấy không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Kể từ khi anh Ch về sống cùng nhà mẹ đẻ tại thôn X thì chị T chưa từng đến thăm chồng, con bao giờ. Do đó, chính quyền địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn Ch đã đến mức độ trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị T đối với anh Triệu Văn Ch theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn Ch có 02 con chung là cháu Triệu Thục V, sinh ngày 01/10/2012 và cháu

Triệu Mai L, sinh ngày 03/12/2014. Kể từ khi chị T và anh Ch sống ly thân thì cháu Triệu Thục V sống cùng chị Triệu Thị T tại thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên còn cháu Triệu Mai L sống cùng anh Triệu Văn Ch tại thôn X, xã S, tỉnh Tuyên Quang. Cháu L vẫn được anh Ch nuôi dưỡng, chăm sóc và cho học hành đầy đủ.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn Ch chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; cũng không có vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Kể từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh Ch đem theo cháu Triệu Mai L về sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú cùng nhà mẹ đẻ anh Ch là bà Bàn Thị V tại thôn X, xã S, tỉnh Tuyên Quang (thôn X, xã P, huyện N, tỉnh Tuyên Quang trước đây). Quá trình sinh sống tại thôn X anh Ch làm nông nghiệp, thường xuyên có mặt tại địa phương. Anh Ch đã biết được việc chị Triệu Thị T khởi kiện xin ly hôn với mình nhưng từ chối đến Tòa án làm việc. Anh Ch cũng trình bày với chính quyền địa phương là vợ chồng anh sống ly thân đã lâu, đã hết tình cảm nên nhất trí ly hôn với chị T nhưng do bận công việc và phải chăm sóc con nên anh Ch không đến Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Triệu Thị T thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Triệu Văn Ch không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Triệu Văn Ch.

+ Về con chung: Giao cháu Triệu Thục V, sinh ngày 01/10/2012 cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Mai L, sinh ngày 03/12/2014 cho anh Triệu Văn Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn Ch không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được

cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Kết quả xác minh tại địa phương và lời trình bày của nguyên đơn chị Triệu Thị T thể hiện vợ chồng chị T, anh Ch không có tài sản, đất đai vay nợ chung; chị Triệu Thị T cũng không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Triệu Văn Ch không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Triệu Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với anh Triệu Văn Ch, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Văn Ch có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn X, xã S, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Triệu Văn Ch có mặt tại địa phương và đã biết được việc chị Triệu Thị T khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh Ch không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Triệu Văn Ch đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn tự từ bỏ quyền, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị T có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị T thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Triệu Văn Ch không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn Ch tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký

kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 06/6/2012. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã C, huyện Đ, tỉnh Bắc Kạn, nay là thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chị Triệu Thị T xác định tình cảm vợ chồng với anh Triệu Văn Ch đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Triệu Văn Ch. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn Ch đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Triệu Văn Ch là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn Ch có 02 con chung là cháu Triệu Thục V, sinh ngày 01/10/2012 và cháu Triệu Mai L, sinh ngày 03/12/2014. Nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày, kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Triệu Thục V sống cùng chị tại thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên còn cháu Triệu Mai L sống cùng anh Triệu Văn Ch tại thôn X, xã S, tỉnh Tuyên Quang nên đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Thục V và giao cháu Triệu Mai L cho anh Triệu Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng đồng thời không yêu cầu anh Triệu Văn Ch phải cấp dưỡng đối với cháu Triệu Thục V. Trong Biên bản lấy lời khai, cháu Triệu Thục V có nguyện vọng sống cùng mẹ, cháu Triệu Mai L có nguyện vọng sống cùng bố. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Triệu Văn Ch cố tình vắng mặt, không có ý kiến gì về việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại và theo nguyện vọng của các con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Triệu Thục V cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Mai L cho anh Triệu Văn Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn Ch không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Quyền yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Triệu Mai L của anh Triệu Văn Ch sẽ được giải quyết bằng vụ án khác, nếu có yêu cầu.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn Ch không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án

nguyên đơn chị Triệu Thị T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Triệu Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Triệu Văn Ch không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Triệu Văn Ch (*Giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 06/6/2012 tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Bắc Kạn – Nay là UBND xã C, tỉnh Thái Nguyên*).

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thục V, sinh ngày 01/10/2012 cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Mai L, sinh ngày 03/12/2014 cho anh Triệu Văn Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn Ch không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001068, ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Tuyên Quang). Ghi nhận chị Triệu Thị T đã nộp đủ tiền án phí. Bị đơn anh Triệu Văn Ch không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Triệu Thị T và bị đơn anh Triệu Văn Ch được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã S;
- UBND xã C, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San